

Số: 1567/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 25 tháng 9 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích và thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 198/TTr-SGTVT-PCAT ngày 20/9/2018,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 117 trong tổng số 125 thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau. Trong đó, có tổng số 70 thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh (kèm theo danh mục).

**Điều 2.** Phê duyệt, chuẩn hóa Danh mục 18 thủ tục hành chính cấp huyện và 09 thủ tục hành chính cấp xã trong lĩnh vực Giao thông vận tải (kèm theo danh mục).

Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tình hình thực tế của từng địa phương giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn ban hành quyết định công bố, công khai danh mục thủ tục hành chính (đã được phê duyệt, chuẩn hóa tại Điều 2 Quyết định này) (i) thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả và (ii) thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định. Thời gian hoàn thành trong tháng 9 năm 2018.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích quy định tại khoản 2, Điều 32 Luật Bưu chính ngày 17/6/2010; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Công bố Danh mục thủ tục hành chính Ngành Giao thông vận tải có thực hiện và không thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Cà Mau./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KSTTHC, VPCP;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh (VIC);
- KGVX, CCHC (Đ141, VIC);
- Lưu: VT, M.A138/9.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Văn Bi**

**DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI,  
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI CÓ THỰC  
HIỆN VÀ KHÔNG THỰC HIỆN TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ  
QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
CẤP TỈNH CÓ TIẾP NHẬN VÀ KHÔNG TIẾP NHẬN TẠI TRUNG TÂM  
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1567/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2018  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)



Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thủ tục hành chính			
		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh	
		Có	Không	Có	Không
<b>I</b>	<b>CẤP TỈNH</b>	<b>70</b>	<b>55</b>	<b>117</b>	<b>08</b>
<i>I.1</i>	<b>Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 17/4/2018</b>				
1.	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại điểm b, khoản 2; điểm b, khoản 3; khoản 4; điểm b, khoản 5 và Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP)		X	X	
2.	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD)		X	X	
3.	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán điều chỉnh (quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 24; điểm b, khoản 1 Điều 25 và điểm b, khoản 1, Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP)		X	X	

4.	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý khu kinh tế, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)		X	X	
<b>I.2</b>	<b>Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 11/4/2016</b>				
5.	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia	X		X	
6.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	X		X	
7.	Cấp phù hiệu xe nội bộ	X		X	
8.	Cấp lại phù hiệu xe nội bộ	X		X	
9.	Cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch	X		X	
10.	Cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch	X		X	
11.	Cấp đổi biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch	X		X	
12.	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt – Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	X		X	
13.	Gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS		X	X	
14.	Cấp (mới) Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng.		X		X
15.	Cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng	X		X	
16.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu		X	X	
17.	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng		X	X	
18.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn		X	X	
19.	Gia hạn Giấy phép vận tải và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	X		X	

20.	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	X		X	
21.	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	X		X	
22.	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	X		X	
23.	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia -Lào -Việt Nam	X		X	
24.	Cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện	X		X	
25.	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện	X		X	
26.	Cấp Giấy phép vận tải loại A, E; loại B, C, F, G lần đầu trong năm	X		X	
27.	Cấp Giấy phép vận tải cho xe công vụ	X		X	
28.	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	X		X	
29.	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế	X		X	
30.	Chấp thuận thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ ủy thác Sở GTVT quản lý.		X	X	
<b>1.3</b>	<b>Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 29/9/2016</b>				
31.	Lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách theo tuyến cố định.		X	X	
32.	Gia hạn Giấy phép vận tải Campuchia – Việt Nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam.	X		X	
33.	Cấp phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công –ten- nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt.	X		X	
34.	Cấp lại phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công –ten- nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt.	X		X	
35.	Cấp phù hiệu xe trung chuyển.	X		X	
36.	Cấp lại phù hiệu xe trung chuyển.	X		X	
37.	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác.	X		X	
38.	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác.	X		X	
39.	Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý.		X	X	

40.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất.		X	X	
41.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng.		X	X	
42.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.		X	X	
43.	Xoá số đăng ký xe máy chuyên dùng.		X	X	
44.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.	X		X	
45.	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.	X		X	
46.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng di chuyển đến.		X	X	
47.	Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ.		X	X	
48.	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia.	X		X	
49.	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý.		X	X	
50.	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ.		X	X	
51.	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ.		X	X	
<b>1.4</b>	<b>Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 26/6/2017</b>				
52.	Cấp mới Giấy phép lái xe.		X		X
53.	Cấp lại Giấy phép lái xe.	X		X	
54.	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp.	X		X	
55.	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp.	X		X	
56.	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp.	X		X	
57.	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp.	X		X	
58.	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam.	X		X	
<b>1.5</b>	<b>Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 22/11/2017</b>				
59.	Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động	X		X	
60.	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô	X		X	

61.	Cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với quốc lộ đang khai thác		X	X	
62.	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ		X	X	
63.	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	X		X	
64.	Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động	X		X	
<b>I.6</b>	<b>Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 19/01/2018</b>				
65.	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác		X	X	
66.	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác		X	X	
67.	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác		X	X	
68.	Gia hạn Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác		X	X	
<b>I.7</b>	<b>Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 28/8/2018</b>				
69.	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	X		X	
70.	Cấp Giấy phép xe tập lái	X		X	
71.	Cấp lại Giấy phép xe tập lái	X		X	
72.	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô	X		X	
73.	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	X		X	
74.	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	X		X	
75.	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ		X	X	
76.	Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa rời cảng, bến thủy nội địa		X		X

1.8	<b>Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 13/4/2016</b>				
77.	Chấp thuận vận tải hành khách ngang sông	X		X	
78.	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam	X		X	
79.	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa		X	X	
80.	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa		X	X	
81.	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa		X	X	
82.	Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa đối với đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương		X	X	
83.	Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa đối với đường thủy nội địa chuyên dùng nối với ĐTNĐ địa phương		X	X	
84.	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên ĐTNĐ địa phương		X	X	
85.	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến ĐTNĐ địa phương; ĐTNĐ chuyên dùng nối với ĐTNĐ địa phương		X	X	
86.	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương		X	X	
87.	Chấp thuận điều chỉnh phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương		X	X	
88.	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp thi công công trình (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương)		X	X	
89.	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương)		X	X	



90.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	X		X	
91.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	X		X	
92.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	X		X	
93.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	X		X	
94.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	X		X	
95.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	X		X	
96.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	X		X	
97.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	X		X	
98.	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	X		X	
99.	Cấp giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia cho phương tiện	X		X	
100.	Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế		X	X	
101.	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa		X	X	
102.	Công bố lại cảng thủy nội địa		X	X	
<b>I.9</b>	<b>Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 04/5/2017</b>				
103.	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho tất cả các loại phương tiện thủy nội địa.		X		X
<b>I.10</b>	<b>Quyết định số 1921/QĐ-UBND ngày 22/11/2017</b>				
104.	Chấp thuận đơn vị tư vấn giám sát dự án thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa		X	X	
105.	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung		X		X

<b>1.11</b>	<b>Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 19/4/2017</b>				
106.	Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng CCCM nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở GTVT		X		X
107.	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở GTVT	X		X	
108.	Cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ nghiệp vụ và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của cơ sở dạy nghề	X		X	
109.	Dự kiểm tra lấy chứng chỉ nghiệp vụ và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản	X			X
110.	Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa vào cảng, bến thủy nội địa.		X		X
<b>1.12</b>	<b>Quyết định số 1684/QĐ-UBND ngày 29/9/2016</b>				
111.	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa.		X	X	
112.	Đề xuất thực hiện Dự án nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa (đối với dự án ngoài danh mục dự án đã công bố).		X	X	
113.	Cấp biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch.	X		X	
114.	Cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch trong trường hợp biển hiệu hết hiệu lực.	X		X	
115.	Cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch trong trường hợp biển hiệu bị mất hoặc hỏng không sử dụng được.	X		X	
116.	Chấp thuận chủ trương nhà đầu tư thực hiện dự án nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa (đối với dự án trong danh mục dự án đã công bố).		X	X	

117.	Phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa.		X	X	
118.	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa.		X	X	
119.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ trong phạm vi địa phương.	X		X	
120.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ trong phạm vi địa phương	X		X	
<i>I.13</i>	<b>Quyết định số 1535/QĐ-UBND ngày 07/9/2016</b>				
121.	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	X		X	
<i>I.14</i>	<b>Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 10/8/2017</b>				
122.	Phê duyệt phương án thăm dò, phương án trục vớt tài sản chìm đắm		X	X	
<i>I.15</i>	<b>Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 12/4/2016</b>				
123.	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định bằng tàu khách cao tốc đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam	X		X	
124.	Chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo hợp đồng chuyên	X		X	
125.	Chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi không có mục đích kinh doanh	X		X	

**Tổng cộng có 125 thủ tục hành chính cấp tỉnh./.**

**PHÊ DUYỆT, CHUẨN HÓA DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐANG CÒN HIỆU LỰC ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ, CÔNG KHAI ÁP DỤNG CHUNG TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1567/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)



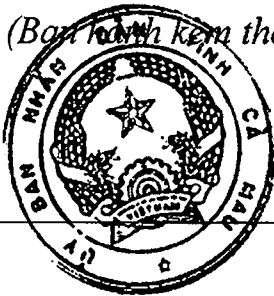
Số TT	Tên thủ tục hành chính
<b>I.</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>
<b>I.1</b>	<b>Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 20/4/2016</b>
1.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa
2.	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa
3.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa
4.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật
5.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
6.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
7.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác
8.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
9.	Xóa đăng ký phương tiện
<b>I.2</b>	<b>Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 08/9/2016</b>
10.	Sử dụng tạm thời một phần hệ phổ tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.
11.	Sử dụng tạm thời một phần hệ phổ làm điểm trông, giữ xe phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội

12.	Sử dụng tạm thời một phần hè phố làm điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình
13.	Sử dụng tạm thời một phần lòng đường làm điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị
14.	Sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường làm điểm trông, giữ xe có thu phí
15.	Sử dụng tạm thời một phần lòng đường làm điểm trông, giữ xe ô tô phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội
16.	Gia hạn sử dụng tạm thời một phần hè phố làm điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình
17.	Gia hạn sử dụng tạm thời một phần lòng đường làm điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị
18.	Gia hạn sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường làm điểm trông, giữ xe có thu phí

**Tổng cộng có 18 thủ tục hành chính cấp huyện./.**

**PHÊ DUYỆT, CHUẨN HÓA DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐANG CÒN HIỆU LỰC ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ, CÔNG KHAI ÁP DỤNG CHUNG TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1567 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*



Số TT	Tên thủ tục hành chính
I.	CẤP XÃ
I.1	Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 19/4/2016
1.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa
2.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa
3.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa
4.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật
5.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
6.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
7.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác
8.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
9.	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

**Tổng cộng có 09 thủ tục hành chính cấp xã./.**